TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 25/10/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB13259	Đặng Thanh	An	14/10/2004	Nữ	6,67	7,0	Đạt	
2	BKCB13260	Lê Thị Phương	An	27/08/2008	Nữ	9,67	7,17	Đạt	
3	BKCB13261	Lê Hoàng	Ân	25/11/1999	Nam	9,33	8,5	Đạt	
4	BKCB13262	Huỳnh Đức	Anh	18/06/2006	Nam	6,33	7,0	Đạt	
5	BKCB13263	Huỳnh Hứa Văn	Anh	28/02/2000	Nữ	9,67	8,67	Đạt	
6	BKCB13264	Nguyễn Bá Ngọc	Anh	25/12/2007	Nam	7,0	8,33	Đạt	
7	BKCB13265	Nguyễn Đoàn Ngọc	Anh	11/01/2008	Nữ	9,67	8,83	Đạt	
8	BKCB13266	Phan Thị Vân	Anh	11/04/2000	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
9	BKCB13267	Võ Thị Kim	Anh	18/01/2004	Nữ	8,0	8,67	Đạt	
10	BKCB13268	Chu Cao Quốc	Bảo	09/10/2003	Nam				Vắng
11	BKCB13269	Trương Ngọc Minh	Châu	08/08/2007	Nam				Vắng
12	BKCB13270	Trần Tiến	Cường	30/06/1989	Nam	7,0	5,0	Đạt	
13	BKCB13271	Phạm Gia	Đạt	27/11/2003	Nam	9,0	5,0	Đạt	
14	BKCB13272	Nguyễn Ngọc	Đoàn	04/09/1995	Nam	8,33	8,67	Đạt	
15	BKCB13273	Đàm Thị	Dung	28/10/1981	Nữ	9,33	6,0	Đạt	
16	BKCB13274	Phạm Huỳnh Ngọc	Dung	07/12/2002	Nữ	7,0	9,0	Đạt	
17	BKCB13275	Nguyễn Thị Xuân	Dung	21/02/1999	Nữ				Vắng
18	BKCB13276	Trần Đăng	Dũng	16/03/1988	Nam	6,33	8,33	Đạt	
19	BKCB13277	Nguyễn Toàn	Dương	18/04/2008	Nam	9,67	9,33	Đạt	
20	BKCB13278	Lại Quốc	Duy	04/10/1984	Nam	8,33	8,67	Đạt	
21	BKCB13279	Nguyễn Thị Kim	Duyên	14/04/2008	Nữ	9,67	8,33	Đạt	
22	BKCB13280	Trần Thị Mỹ	Duyên	28/01/2006	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
23	BKCB13281	Nguyễn Trọng	Duyệt	02/04/1999	Nam	10,0	9,33	Đạt	
24	BKCB13282	Dương Tuấn	Hải	19/01/1995	Nam	7,0	9,5	Đạt	
25	BKCB13283	Trần Đình	Hải	29/11/1981	Nam	7,67	8,67	Đạt	
26	BKCB13284	Huỳnh Nguyễn Gia	Hân	15/03/2004	Nữ				Vắng
27	BKCB13285	Lê Gia	Hân	03/03/2001	Nữ	6,67	9,0	Đạt	
28	BKCB13286	Đinh Thị	Hằng	04/11/1999	Nữ	8,67	5,67	Đạt	
29	BKCB13287	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	09/10/1999	Nữ	9,33	9,17	Đạt	
30	BKCB13288	Trần Thị Phương	Hằng	26/05/2006	Nữ	9,33	9,17	Đạt	
31	BKCB13289	Phạm Tấn	Hào	21/08/2005	Nam	9,67	9,0	Đạt	
32	BKCB13290	Sơn Công	Hảo	30/04/2004	Nam	8,67	9,0	Đạt	
33	BKCB13291	Hoàng Thị Thu	Hiền	04/08/2005	Nữ	10,0	9,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
34	BKCB13292	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/11/1998	Nữ	8,33	9,0	Đạt	
35	BKCB13293	Trần Thị Thanh	Hiền	24/11/1992	Nữ	8,33	8,67	Đạt	
36	BKCB13294	Đặng Trung	Hiếu	29/06/2007	Nam	6,0	6,0	Đạt	
37	BKCB13295	Tăn Tuấn	Hiếu	18/12/2001	Nam	7,67	7,0	Đạt	
38	BKCB13296	Trương Nhật	Hiếu	22/11/2005	Nam	9,0	5,67	Đạt	
39	BKCB13297	Lâm Thị Hiếu	Hoà	01/02/2006	Nữ	9,67	6,67	Đạt	
40	BKCB13298	Nguyễn Minh	Hoàng	01/08/1990	Nam	3,0	3,67	Không đạt	
41	BKCB13299	Phạm Văn	Hoàng	20/02/1990	Nam	5,0	5,0	Đạt	
42	BKCB13300	Phan Khánh	Hoàng	08/04/2007	Nam	6,33	6,0	Đạt	
43	BKCB13301	Võ Minh	Hoàng	11/03/1991	Nam	9,0	9,33	Đạt	
44	BKCB13302	Phạm Hoàng Khánh	Hưng	18/07/2007	Nam	9,33	6,0	Đạt	
45	BKCB13303	Nguyễn Đỗ Ngọc Mai	Hương	27/11/2005	Nữ	10,0	8,67	Đạt	
46	BKCB13304	Chu Cao Quốc	Huy	09/10/2003	Nam				Vắng
47	BKCB13305	Đặng Công Lê	Huy	30/06/1999	Nam	9,0	9,33	Đạt	
48	BKCB13306	Huỳnh Hoàng	Huy	20/09/1999	Nam	10,0	9,33	Đạt	
49	BKCB13307	Nông Thị Thu	Huyền	16/10/2003	Nữ	6,33	8,67	Đạt	
50	BKCB13308	Trần Như	Huỳnh	15/07/1999	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
51	BKCB13309	Thạch Hoàng	Khang	12/08/2004	Nam	7,33	7,33	Đạt	
52	BKCB13310	Nguyễn Gia	Khánh	06/11/2001	Nam	10,0	9,0	Đạt	
53	BKCB13311	Phan Văn	Khởi	12/04/2003	Nam	9,0	9,33	Đạt	
54	BKCB13312	Lê Đình Bảo	Khương	15/12/1999	Nam	10,0	9,0	Đạt	
55	BKCB13313	Nguyễn Lê Trung	Kiên	15/01/2003	Nam	10,0	8,67	Đạt	
56	BKCB13314	Trần Tuấn	Kiệt	04/10/1996	Nam	7,33	9,0	Đạt	
57	BKCB13315	Nguyễn Lê Hồng	Kiều	09/10/2005	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
58	BKCB13316	Nguyễn Thị Hồng	Lam	08/11/2003	Nữ	8,67	9,33	Đạt	
59	BKCB13317	Dương Thị Mỹ	Lệ	25/12/2004	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
60	BKCB13318	Phạm Nguyễn Hoàng	Linh	03/10/1993	Nam	6,67	9,0	Đạt	
61	BKCB13319	Lê Đức	Lộc	06/03/1990	Nam	7,0	9,33	Đạt	
62	BKCB13320	Nguyễn Quang	Lộc	04/10/2004	Nam	9,67	9,33	Đạt	
63	BKCB13321	Trần Phan Thăng	Long	27/01/1998	Nam	9,0	9,33	Đạt	
64	BKCB13322	Lê Phan Hoàng	Mai	25/01/2003	Nữ	10,0	9,33	Đạt	
65	BKCB13323	Nguyễn Đại	Minh	15/11/2007	Nam	6,33	7,0	Đạt	
66	BKCB13324	Nguyễn Lê Hoàng	Minh	24/05/1990	Nam	7,67	6,33	Đạt	
67	BKCB13325	Trương Tấn	Minh	12/05/2007	Nam	6,33	5,0	Đạt	
68	BKCB13326	Lê Thị Ngọc	Muội	09/07/2004	Nữ	8,0	7,67	Đạt	
69	BKCB13327	Trương Lê Diệu	My	23/12/1999	Nữ	8,67	6,33	Đạt	
70	BKCB13328	Lê Nhật	Nam	20/01/2004	Nam	9,67	8,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
71	BKCB13329	Bùi Quỳnh	Nga	03/11/2006	Nữ	9,33	8,0	Đạt	
72	BKCB13330	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	18/10/2005	Nữ	9,67	8,0	Đạt	
73	BKCB13331	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/08/2007	Nữ	6,33	5,33	Đạt	
74	BKCB13332	Huỳnh Thị Kiều	Nghi	16/01/2006	Nữ	7,33	6,0	Đạt	
75	BKCB13333	Lê Đông	Nghi	06/12/2005	Nữ	9,67	8,0	Đạt	
76	BKCB13334	Lê Thị Hồng	Nghi	07/07/2006	Nữ	6,0	8,0	Đạt	
77	BKCB13335	Phan Hữu	Nghĩa	10/11/1998	Nam	8,67	6,0	Đạt	
78	BKCB13336	Lý Thị Kim	Ngọc	29/09/1984	Nữ	9,67	8,0	Đạt	
79	BKCB13337	Đặng Khôi	Nguyên	18/09/2000	Nam	9,67	8,0	Đạt	
80	BKCB13338	Hồ Ngọc Đăng	Nguyên	06/09/2004	Nữ	8,67	6,33	Đạt	
81	BKCB13339	Nguyễn Phương	Nguyên	17/02/1998	Nam	8,67	8,67	Đạt	
82	BKCB13340	Trần Đỗ	Nguyên	07/01/2000	Nam	5,67	6,33	Đạt	
83	BKCB13341	Đinh Dương Uyển	Nhi	01/03/2004	Nữ	8,0	8,33	Đạt	
84	BKCB13342	Lý Phu	Nhi	18/05/1993	Nam	8,33	5,67	Đạt	
85	BKCB13343	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	18/02/2007	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
86	BKCB13344	Kim Đức	Nhơn	17/10/1990	Nam	9,0	9,0	Đạt	
87	BKCB13345	Đỗ Phạm Tâm	Như	18/05/2005	Nữ	8,67	7,0	Đạt	
88	BKCB13346	Trần Thị Hàng	Ni	10/09/2008	Nữ	9,0	5,33	Đạt	
89	BKCB13347	Đinh Văn	Phong	26/02/2003	Nam	8,0	3,33	Không đạt	
90	BKCB13348	Nguyễn Tuấn	Phong	28/03/2003	Nam	8,67	9,0	Đạt	
91	BKCB13349	Nguyễn Hoàng	Phú	14/11/1991	Nam	6,67	9,0	Đạt	
92	BKCB13350	Trần	Phú	15/08/1995	Nam	8,67	8,67	Đạt	
93	BKCB13351	Nguyễn Hùng	Phúc	28/01/1999	Nam	8,33	8,67	Đạt	
94	BKCB13352	Nguyễn Trung	Phúc	04/10/2004	Nam	8,33	9,0	Đạt	
95	BKCB13353	Dương Tấn	Phước	10/02/1991	Nam	2,33	0,33	Không đạt	
96	BKCB13354	Đặng Thị	Phương	11/07/1999	Nữ	10,0	8,67	Đạt	
97	BKCB13355	Hồ Hoài	Phương	07/04/2008	Nam	8,33	5,33	Đạt	
98	BKCB13356	Phạm Nguyễn Hoàng	Phương	16/02/2004	Nam	10,0	6,33	Đạt	
99	BKCB13357	Võ Đỗ Thu	Phương	06/08/2006	Nữ				Vắng
100	BKCB13358	Lê Bá	Quân	02/10/1989	Nam	6,33	6,33	Đạt	
101	BKCB13359	Lê Văn	Quang	08/02/1986	Nam	7,0	7,67	Đạt	
102	BKCB13360	Kim Minh	Sơn	04/10/2000	Nam				Vắng
103	BKCB13361	Ngô Đức	Sơn	12/02/1995	Nam	6,33	8,0	Đạt	
104	BKCB13362	Dương Văn	Tâm	08/02/2004	Nam	7,33	8,33	Đạt	
105	BKCB13363	Nguyễn Trí	Tân	23/09/1984	Nam	5,0	8,67	Đạt	
106	BKCB13364	Phan Minh	Thạch	01/04/2004	Nam	6,33	9,0	Đạt	
107	BKCB13365	Phan Quốc	Thái	07/02/1994	Nam	10,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
108	BKCB13366	An Thị Hồng	Thắm	29/08/2005	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
109	BKCB13367	Phan Hoàng Cao	Thắng	09/05/2006	Nam	8,0	6,33	Đạt	
110	BKCB13368	Trịnh Duy	Thành	07/11/1983	Nam	6,67	5,0	Đạt	
111	BKCB13369	Bùi Thương	Thảo	30/10/2006	Nữ	9,67	7,67	Đạt	
112	BKCB13370	Mai Thị Ngọc	Thảo	11/12/2008	Nữ	10,0	9,0	Đạt	
113	BKCB13371	Nguyễn Lương Phương	Thảo	05/12/2006	Nữ	10,0	5,33	Đạt	
114	BKCB13372	Nguyễn Thu	Thảo	20/09/1997	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
115	BKCB13373	Lê Phước	Thịnh	27/03/1999	Nam	9,67	8,67	Đạt	
116	BKCB13374	Phan Anh	Thoại	16/08/1987	Nam	6,0	5,33	Đạt	
117	BKCB13375	Nguyễn Tấn	Thông	10/08/1998	Nam	9,0	8,67	Đạt	
118	BKCB13376	Nguyễn Thị Minh	Thu	27/02/2006	Nữ	9,67	8,67	Đạt	
119	BKCB13377	Lê Hoàng Minh	Thư	21/08/2006	Nữ	9,0	8,67	Đạt	
120	BKCB13378	Phạm Ngọc Anh	Thư	15/12/2004	Nữ	8,33	5,67	Đạt	
121	BKCB13379	Phạm Ngọc Minh	Thư	29/10/2008	Nữ	6,0	5,33	Đạt	
122	BKCB13380	Nguyễn Thị	Thương	06/01/2001	Nữ	9,67	6,33	Đạt	
123	BKCB13381	Phạm Đỗ Hoài	Thương	02/12/2006	Nữ	9,67	8,67	Đạt	
124	BKCB13382	Lê Thị Phương	Thúy	11/03/1993	Nữ	5,33	8,67	Đạt	
125	BKCB13383	Nguyễn Xuân	Thùy	30/04/1999	Nam	8,67	9,0	Đạt	
126	BKCB13384	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tiên	31/08/1995	Nữ	9,67	9,0	Đạt	
127	BKCB13385	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	20/04/2001	Nữ	9,67	8,33	Đạt	
128	BKCB13386	Nguyễn Minh	Tiến	13/12/1989	Nam	9,0	9,0	Đạt	
129	BKCB13387	Trần	Tiến	01/01/1999	Nam	8,33	8,33	Đạt	
130	BKCB13388	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	25/09/2006	Nữ	6,0	5,0	Đạt	
131	BKCB13389	Ngô Thị Tú	Trâm	20/11/2003	Nữ	8,33	8,0	Đạt	
132	BKCB13390	Đoàn Thuận Bảo	Trân	29/10/2004	Nữ	8,0	8,67	Đạt	
133	BKCB13391	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	16/08/2006	Nữ	7,67	7,33	Đạt	
134	BKCB13392	Nguyễn Phương	Trang	25/07/2006	Nữ	6,33	9,67	Đạt	
135	BKCB13393	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/10/2001	Nữ	8,33	6,0	Đạt	
136	BKCB13394	Vũ Thị Quỳnh	Trang	13/05/2005	Nữ	8,67	9,0	Đạt	
137	BKCB13395	Huỳnh Thanh	Trí	15/10/2000	Nam	9,67	9,0	Đạt	
138	BKCB13396	Nguyễn Việt	Trinh	16/08/1999	Nữ	9,33	8,67	Đạt	
139	BKCB13397	Trần Văn	Trình	05/06/1992	Nam	9,33	9,67	Đạt	
140	BKCB13398	Nguyễn Nam	Trung	26/09/1994	Nam	8,33	9,67	Đạt	
141	BKCB13399	Đinh Xuân	Trường	24/02/1986	Nam	7,0	8,67	Đạt	
142	BKCB13400	Lê Xuân	Trường	01/05/1990	Nam	9,0	9,33	Đạt	
143	BKCB13401	Nguyễn Quang	Trường	03/07/2005	Nam	8,67	8,0	Đạt	
144	BKCB13402	Phan Ngọc Quang	Trường	21/05/1999	Nam	10,0	9,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Giới tính	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
145	BKCB13403	Nguyễn Hoàng	Tuấn	17/02/2007	Nam	8,67	6,0	Đạt	
146	BKCB13404	Lê Thanh	Tùng	31/07/1999	Nam	8,33	7,67	Đạt	
147	BKCB13405	Phạm Trọng	Vĩ	22/07/2004	Nam	5,67	8,67	Đạt	
148	BKCB13406	Mai Văn	Vương	23/01/2006	Nam	6,67	8,0	Đạt	
149	BKCB13407	Nguyễn Hà Phương	Vy	10/06/1999	Nữ	10,0	9,67	Đạt	
150	BKCB13408	Nguyễn Thị Kim	Yến	15/06/2000	Nữ				Vắng
151	BKCB13409	Vũ Thị Hải	Yến	24/12/2005	Nữ	9,67	6,33	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh: **151** **Số thí sinh đạt:** **140**

Số lượng hiện diện: **143**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

Ngô Quang Nhựt **Thoại Nam**